

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 8 - 2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Bốn.

2. Ông Huỳnh Cao Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 96/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2021/QĐST – HNGĐ ngày 09/8/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Tr**, sinh 1990.

- Bị đơn: Ông **Phạm Th**, sinh năm 1982.

Cùng trú tại địa chỉ: Xóm C, thôn 01, xã N, huyện T, tỉnh Q.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 24/02/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/4/2021 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Tr trình bày:

Bà và ông Phạm Th quen biết tìm hiểu, yêu thương một thời gian thì tự nguyện tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng (nay là xã N), huyện T, tỉnh Q vào năm 2009.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Th hay uống rượu dẫn đến gây gỗ đánh đập nhau. Năm 2017, vợ chồng bà sống ly thân đến nay. Bà xét thấy, cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm yêu thương không còn, mục đích hôn nhân không đạt được không thể kéo dài, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Phạm Th.

Về con chung: Bà và ông Th có hai con chung là cháu Phạm Ngọc V, sinh ngày 13/02/2009 và cháu Phạm Thị Kim S, sinh ngày 16/10/2014. Hiện 02 cháu đang ở với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được nhận nuôi cả 02 con. Bà không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Về sản chung, nợ: Bà Tr trình bày không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Bị đơn ông Phạm Th được Tòa tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án số 96/TB – TLVA ngày 20/4/2021; Giấy triệu tập số 124/GTT ngày 19/5/2021; Thông báo số 58/TB – TA ngày 19/5/2021 về việc tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo số 187/TB – TA ngày 19/5/2021 về việc không tiến hành hòa giải do nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải; Thông báo số 143/TB – TA ngày 31/5/2021 về kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐST – HNGĐ ngày 19/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2021/QĐST – HNGĐ ngày 09/8/2021 nhưng ông Phạm Th đều từ chối nhận. Ông Phạm Th không đến Tòa làm việc, tham dự xét xử, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên hồ sơ không có ý kiến tài liệu của phía bị đơn.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn không chấp hành các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, do nguyên đơn là người đồng bào dân tộc Hre nhưng xã N không thuộc diện xã có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, nên nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện T, tỉnh Q. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về việc tham gia phiên tòa của Kiểm sát viên dự khuyết: Theo Quyết định phân công Kiểm sát viên tham gia phiên tòa số 256/VKSTN – DS ngày 22/4/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, thì kiểm sát viên tham gia phiên tòa là bà Phạm Thị Thu Hồng, kiểm sát viên dự khuyết là bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh. Nhưng tại phiên tòa, bà Phạm Thị Thu Hồng vắng mặt, bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh có mặt ngay từ đầu. Căn cứ khoản 2 Điều 232 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh thay bà Phạm Thị Thu Hồng tham gia phiên tòa là đúng luật định.

[1.3]. Về xét xử vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ 02 lần tham dự phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và thủ tục xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 là đúng quy định.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tr, ông Th tìm hiểu yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N (nguyên là xã Ng), huyện T, tỉnh Q vào năm 2009, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Tr và ông Th là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Về mâu thuẫn vợ chồng, thì thấy rằng: Bà Tr khai rằng từ năm 2015 ông Th bắt đầu thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng cãi vã, đánh nhau và điều này qua xác minh được chính quyền địa phương xác nhận việc mâu thuẫn như bà Tr trình bày là đúng. Tòa án có văn bản nhiều lần triệu tập ông Tham đến Tòa làm việc về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông Th từ chối nhận văn bản tố tụng do Tòa trực tiếp đến giao và không đến Tòa làm việc, điều đó cho thấy ông Tham cũng không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân nên có cơ sở xác định quan hệ tình cảm giữa vợ chồng bà Tr đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Tr được ly hôn ông Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng ông bà có hai con chung là cháu Phạm Ngọc V, Phạm Thị Kim S. Khi ly hôn, bà Tr yêu cầu nhận nuôi cả 02 con, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con thì thấy rằng: Hiện tại 02 cháu đang

sống với bà Triết, đồng thời tại các bản trình bày ý kiến ngày 31/5/2021 cháu V, cháu S đều có nguyện vọng nếu cha mẹ ly hôn thì các cháu sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 cháu cho bà Tr tiếp tục nhận nuôi dưỡng. Bà Tr không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ: Đương sự trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Tr là người đồng bào dân tộc thiểu số Hre, bà có đơn xin miễn án phí, nhưng xã N không phải là xã có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, nên việc xin miễn tiền án phí của bà không đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận, bà Tr phải phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 9, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 và 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Phạm Thị Tr được ly hôn ông Phạm Th.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc V, sinh ngày 13/02/2009 và cháu Phạm Thị Kim S, sinh ngày 16/10/2014 cho bà Phạm Thị Tr tiếp tục nhận chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên. Bà Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Tr phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Hùng

